



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VIGLACERA

Tòa nhà Viglacera, Số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84)- 024 3756 7712 ; Fax: 024. 3756 7710

Web: Viglacera-exim.vn

K2 PPR®
hot & cold piping system

STANDARDS - TIÊU CHUẨN

DNIN 8077, DNIN 8078

EN ISO 15874 - BS 6920

ÖNORM B 5174 - ÖVGW W 1.213

PN 10 = 20°C/10bar

PN 20 = 20°C/20bar ; 70°C/10bar



Kunststoffwerk GmbH.
A-4020 Linz, Austria - Europe
Ignaz-Mayer-Straße 17

BẢNG GIÁ ỐNG VÀ PHỤ KIỆN PPR CAO CẤP K2

Sản phẩm của hãng Ke-Kelit (Cộng hòa Áo) từ Châu Âu

(Áp dụng từ ngày 01/08/2018 cho đến khi có thông báo mới)

Báo giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%

HÌNH ẢNH SẢN PHẨM	MÃ HÀNG	MÔ TẢ SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ VNĐ
I. PHẦN ỐNG				
1. ỐNG NƯỚC NÓNG PPR K2 MK00 PN20				
	1502001M	Ống nước nóng MK00 PN20 D20 x 3.4mm	m.	40,700
	1502501M	Ống nước nóng MK00 PN20 D25 x 4.2mm	m.	57,200
	1503201M	Ống nước nóng MK00 PN20 D32 x 5.4mm	m.	93,500
	1504001M	Ống nước nóng MK00 PN20 D40 x 6.7mm	m.	151,800
	1505001M	Ống nước nóng MK00 PN20 D50 x 8.3mm	m.	231,000
	1506301M	Ống nước nóng MK00 PN20 D63 x 10.5mm	m.	349,800
	1507501M	Ống nước nóng MK00 PN20 D75 x 12.5mm	m.	498,300
	1509001M	Ống nước nóng MK00 PN20 D90 x 15.0mm	m.	717,200
	1511001M	Ống nước nóng MK00 PN20 D110 x 18.3mm	m.	1,058,200
2. ỐNG NƯỚC LẠNH PPR K2 MK02 PN10				
	1702000M	Ống nước lạnh MK02 PN10 D20 x 1.9mm	m.	28,600
	1702500M	Ống nước lạnh MK02 PN10 D25 x 2.3mm	m.	36,300
	1703200M	Ống nước lạnh MK02 PN10 D32 x 2.9mm	m.	56,100
	1704000M	Ống nước lạnh MK02 PN10 D40 x 3.7mm	m.	88,000
	1705000M	Ống nước lạnh MK02 PN10 D50 x 4.6mm	m.	137,500
	1706300M	Ống nước lạnh MK02 PN10 D63 x 5.8mm	m.	216,700
	1707500M	Ống nước lạnh MK02 PN10 D75 x 6.8mm	m.	292,600

	1709000M	Ống nước lạnh MK02 PN10 D90 x 8.2mm	m.	438,900
	1711000M	Ống nước lạnh MK02 PN10 D110 x 10.0mm	m.	624,800
	1716000M	Ống nước lạnh MK02 PN10 D160 x 14.6mm	m.	2,778,600

3. ỐNG NƯỚC NÓNG/LẠNH PPR K2 MK08 PN16

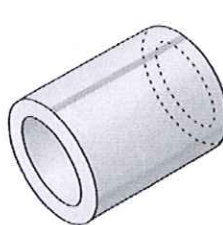
	1682001M	Ống nước nóng/lạnh MK08 PN16 D20 x 2.8mm	m.	30,800
	1682501M	Ống nước nóng/lạnh MK08 PN16 D25 x 3.5mm	m.	46,200
	1683201M	Ống nước nóng/lạnh MK08 PN16 D32 x 4.4mm	m.	74,800
	1684001M	Ống nước nóng/lạnh MK08 PN16 D40 x 5.5mm	m.	123,200
	1685001M	Ống nước nóng/lạnh MK08 PN16 D50 x 6.9mm	m.	181,500
	1686301M	Ống nước nóng/lạnh MK08 PN16 D63 x 8.6mm	m.	283,800
	1687501M	Ống nước nóng/lạnh MK08 PN16 D75 x 10.3mm	m.	394,900
	1689001M	Ống nước nóng/lạnh MK08 PN16 D90 x 12.3mm	m.	577,500
	1681101M	Ống nước nóng/lạnh MK08 PN16 D110 x 15.1mm	m.	873,400
	1681601M	Ống nước nóng/lạnh MK08 PN16 D160 x 21.9mm	m.	3,175,700

4. ỐNG TRÁNH K2 MK90 (ỐNG CONG)

	2541501M	Ống tránh MK90 D20	m.	60,500
	2542001M	Ống tránh MK90 D25	m.	75,900
	2542501M	Ống tránh MK90 D32	m.	139,700

II. PHỤ KIỆN ỐNG PPR

1. Măng sông PN20 MK10 (Socket)

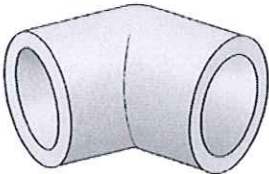
	2521501M	Măng sông MK10 PN20 D20	Chiếc.	7,700
	2522001M	Măng sông MK10 PN20 D25	Chiếc.	8,800
	2522501M	Măng sông MK10 PN20 D32	Chiếc.	13,200
	2523001M	Măng sông MK10 PN20 D40	Chiếc.	22,000
	2523501M	Măng sông MK10 PN20 D50	Chiếc.	41,800
	2524001M	Măng sông MK10 PN20 D63	Chiếc.	68,200
	2524501M	Măng sông MK10 PN20 D75	Chiếc.	95,700
	2525001M	Măng sông MK10 PN20 D90	Chiếc.	194,700
	2525501M	Măng sông MK10 PN20 D110	Chiếc.	312,400
	2526501M	Măng sông MK10 PN20 D160	Chiếc.	838,200

2. Co 90° MK20 (Elbow 90°) - Cút 90°

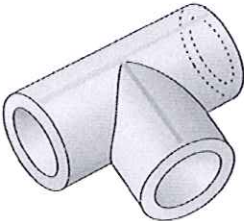
	2501501M	Co 90° MK20 PN20 D20	Chiếc.	7,700
	2502001M	Co 90° MK20 PN20 D25	Chiếc.	11,000
	2502501M	Co 90° MK20 PN20 D32	Chiếc.	20,900
	2503001M	Co 90° MK20 PN20 D40	Chiếc.	35,200
	2503501M	Co 90° MK20 PN20 D50	Chiếc.	61,600
	2504001M	Co 90° MK20 PN20 D63	Chiếc.	119,900
	2504501M	Co 90° MK20 PN20 D75	Chiếc.	226,600

	2505001M	Co 90° MK20 PN20 D90	Chiếc.	416,900
	2505501M	Co 90° MK20 PN20 D110	Chiếc.	635,800
	2506601M	Co 90° MK20 PN20 D160	Chiếc.	1,984,400

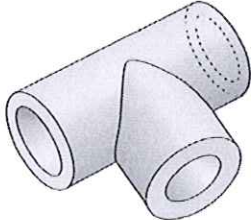
3. Co 45°MK70 (Elbow 45°) - Chếch 45°

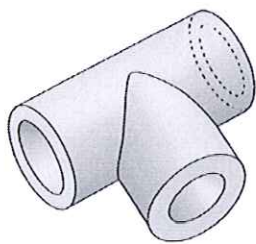
	2511501M	Co 45° MK70 PN20 D20	Chiếc.	8,800
	2512001M	Co 45° MK70 PN20 D25	Chiếc.	12,100
	2512501M	Co 45° MK70 PN20 D32	Chiếc.	18,700
	2513001M	Co 45° MK70 PN20 D40	Chiếc.	30,800
	2513501M	Co 45° MK70 PN20 D50	Chiếc.	60,500
	2514001M	Co 45° MK70 PN20 D63	Chiếc.	100,100
	2514501M	Co 45° MK70 PN20 D75	Chiếc.	179,300
	2515001M	Co 45° MK70 PN20 D90	Chiếc.	317,900
	2515501M	Co 45° MK70 PN20 D110	Chiếc.	517,000
	2517101M	Co 45° MK70 PN20 D160	Chiếc.	1,310,100

4. Tê đều (Equal tee) MK30

	2561501M	Tê đều MK30 PN20 D20	Chiếc.	11,000
	2562001M	Tê đều MK30 PN20 D25	Chiếc.	13,200
	2562501M	Tê đều MK30 PN20 D32	Chiếc.	25,300
	2563001M	Tê đều MK30 PN20 D40	Chiếc.	42,900
	2563501M	Tê đều MK30 PN20 D50	Chiếc.	78,100
	2564001M	Tê đều MK30 PN20 D63	Chiếc.	147,400
	2564501M	Tê đều MK30 PN20 D75	Chiếc.	278,300
	2565001M	Tê đều MK30 PN20 D90	Chiếc.	476,300
	2565501M	Tê đều MK30 PN20 D110	Chiếc.	913,000
	2566601M	Tê đều MK30 PN20 D160	Chiếc.	2,143,900

5. Tê giảm (thu) - Reducer tee MK35

	2572001M	Tê giảm MK35 PN20 D25/20/25	Chiếc.	13,200
	2573501M	Tê giảm MK35 PN20 D32/20/32	Chiếc.	22,000
	2573001M	Tê giảm MK35 PN20 D32/25/32	Chiếc.	25,300
	2575001M	Tê giảm MK35 PN20 D40/20/40	Chiếc.	34,100
	2574501M	Tê giảm MK35 PN20 D40/25/40	Chiếc.	36,300
	2574001M	Tê giảm MK35 PN20 D40/32/40	Chiếc.	40,700
	2577001M	Tê giảm MK35 PN20 D50/20/50	Chiếc.	60,500
	2576501M	Tê giảm MK35 PN20 D50/25/50	Chiếc.	63,800
	2576001M	Tê giảm MK35 PN20 D50/32/50	Chiếc.	71,500
	2575501M	Tê giảm MK35 PN20 D50/40/50	Chiếc.	80,300
	2579001M	Tê giảm MK35 PN20 D63/25/63	Chiếc.	115,500
	2578501M	Tê giảm MK35 PN20 D63/32/63	Chiếc.	119,900

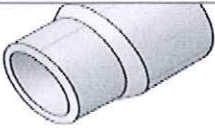
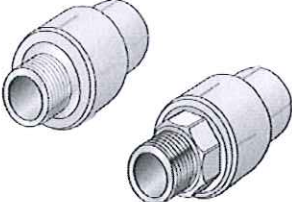
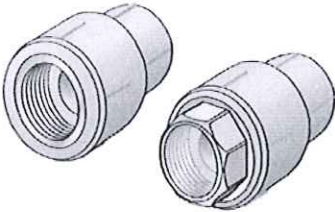


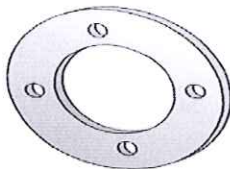
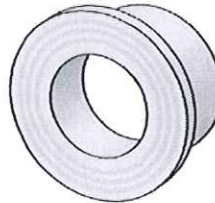
2578001M	Tê giảm MK35 PN20 D63/40/63	Chiếc.	132,000
2577501M	Tê giảm MK35 PN20 D63/50/63	Chiếc.	139,700
2579801M	Tê giảm MK35 PN20 D75/32/75	Chiếc.	187,000
2579601M	Tê giảm MK35 PN20 D75/40/75	Chiếc.	199,100
2579401M	Tê giảm MK35 PN20 D75/50/75	Chiếc.	226,600
2579201M	Tê giảm MK35 PN20 D75/63/75	Chiếc.	243,100
2579051M	Tê giảm MK35 PN20 D90/63/90	Chiếc.	357,500
2579101M	Tê giảm MK35 PN20 D90/75/90	Chiếc.	397,100
2579151M	Tê giảm MK35 PN20 D110/63/110	Chiếc.	556,600
2579301M	Tê giảm MK35 PN20 D110/75/110	Chiếc.	596,200
2579351M	Tê giảm MK35 PN20 D110/90/110	Chiếc.	675,400
2579501M	Tê giảm MK35 PN20 D160/90/160	Chiếc.	1,508,100
2579551M	Tê giảm MK35 PN20 D160/110/160	Chiếc.	1,667,600

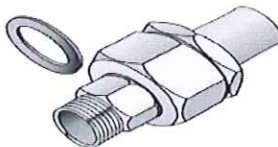
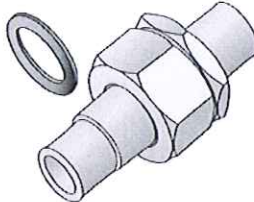
6. Măng sông giảm (Reducer) MK40



2652001M	Măng sông giảm MK40 PN20 D25/20	Chiếc.	6,600
2653501M	Măng sông giảm MK40 PN20 D32/20	Chiếc.	12,100
2653001M	Măng sông giảm MK40 PN20 D32/25	Chiếc.	12,100
2655001M	Măng sông giảm MK40 PN20 D40/20	Chiếc.	19,800
2654501M	Măng sông giảm MK40 PN20 D40/25	Chiếc.	20,900
2654001M	Măng sông giảm MK40 PN20 D40/32	Chiếc.	22,000
2657001M	Măng sông giảm MK40 PN20 D50/20	Chiếc.	36,300
2656501M	Măng sông giảm MK40 PN20 D50/25	Chiếc.	36,300
2656001M	Măng sông giảm MK40 PN20 D50/32	Chiếc.	37,400
2655501M	Măng sông giảm MK40 PN20 D50/40	Chiếc.	38,500
2658201M	Măng sông giảm MK40 PN20 D63/25	Chiếc.	56,100
2657901M	Măng sông giảm MK40 PN20 D63/32	Chiếc.	60,500
2657601M	Măng sông giảm MK40 PN20 D63/40	Chiếc.	60,500
2657301M	Măng sông giảm MK40 PN20 D63/50	Chiếc.	60,500
2659201M	Măng sông giảm MK40 PN20 D75/32	Chiếc.	107,800
2659151M	Măng sông giảm MK40 PN20 D75/40	Chiếc.	107,800
2659101M	Măng sông giảm MK40 PN20 D75/50	Chiếc.	112,200
2659001M	Măng sông giảm MK40 PN20 D75/63	Chiếc.	112,200
2659951M	Măng sông giảm MK40 PN20 D90/32	Chiếc.	179,300
2659901M	Măng sông giảm MK40 PN20 D90/40	Chiếc.	179,300
2659851M	Măng sông giảm MK40 PN20 D90/50	Chiếc.	182,600
2659801M	Măng sông giảm MK40 PN20 D90/63	Chiếc.	182,600
2659501M	Măng sông giảm MK40 PN20 D90/75	Chiếc.	191,400
2772401M	Măng sông giảm MK40 PN20 D110/50	Chiếc.	293,700

	2772201M	Măng sông giảm MK40 PN20 D110/63	Chiếc.	293,700
	2772101M	Măng sông giảm MK40 PN20 D110/75	Chiếc.	298,100
	2772001M	Măng sông giảm MK40 PN20 D110/90	Chiếc.	298,100
	2771401M	Măng sông giảm MK40 PN20 D160/110	Chiếc.	794,200
7. MS Ren ngoài (Adaptor AG) MK11				
	2593501M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D20x1/2"	Chiếc.	75,900
	2594001M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D20x3/4"	Chiếc.	100,100
	2595501M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D25x1/2"	Chiếc.	78,100
	2596001M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D25x3/4"	Chiếc.	95,700
	2598001M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D32x3/4"	Chiếc.	123,200
	2598501M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D32x1"	Chiếc.	191,400
	2599001M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D40x1 1/4"	Chiếc.	377,300
	2599501M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D50x1 1/2"	Chiếc.	436,700
	2599801M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D63x2"	Chiếc.	794,200
	2600001M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D75x2 1/2"	Chiếc.	913,000
	2600101M	MS Ren ngoài MK11 PN20 D90x3"	Chiếc.	1,508,100
8. Măng sông ren trong (Adaptor IG) MK13				
	2583501M	MS Ren trong MK13 PN20 D20x1/2"	Chiếc.	56,100
	2584001M	MS Ren trong MK13 PN20 D20x3/4"	Chiếc.	78,100
	2585501M	MS Ren trong MK13 PN20 D25x1/2"	Chiếc.	60,500
	2586001M	MS Ren trong MK13 PN20 D25x3/4"	Chiếc.	80,300
	2588001M	MS Ren trong MK13 PN20 D32x3/4"	Chiếc.	88,000
	2588601M	MS Ren trong MK13 PN20 D32x1"	Chiếc.	162,800
	2589001M	MS Ren trong MK13 PN20 D40x1 1/4"	Chiếc.	238,700
	2589501M	MS Ren trong MK13 PN20 D50x1 1/2"	Chiếc.	397,100
	2589801M	MS Ren trong MK13 PN20 D63x2"	Chiếc.	596,200
	2590001M	MS Ren trong MK13 PN20 D75x2 1/2"	Chiếc.	873,400
	2590101M	MS Ren trong MK13 PN20 D90x3"	Chiếc.	1,389,300
9. Co ren ngoài (Elbow adaptor 90° AG) MK21				
	2613501M	Co ren ngoài MK21 PN20 D20x1/2"	Chiếc.	83,600
	2616001M	Co ren ngoài MK21 PN20 D25x3/4"	Chiếc.	101,200
	2618501M	Co ren ngoài MK21 PN20 D32x1"	Chiếc.	202,400
10. Co ren trong (Elbow adaptor 90° IG) MK23				
	2603501M	Co ren trong MK23 PN20 D20x1/2"	Chiếc.	60,500
	2605901M	Co ren trong MK23 PN20 D25x1/2"	Chiếc.	63,800
	2606001M	Co ren trong MK23 PN20 D25x3/4"	Chiếc.	88,000
	2608501M	Co ren trong MK23 PN20 D32x1"	Chiếc.	167,200
11. Tê ren trong (Adaptor tee Female) MK33				

	2633501M	Tê ren trong MK33 PN20 D20x1/2"	Chiếc.	60,500
	2634001M	Tê ren trong MK33 PN20 D25x1/2"	Chiếc.	68,200
12. Nút bịt (End cap) MK60				
	2551501M	Nút bịt MK60 PN20 D20	Chiếc.	4,400
	2552001M	Nút bịt MK60 PN20 D25	Chiếc.	7,700
	2552501M	Nút bịt MK60 PN20 D32	Chiếc.	13,200
	2553001M	Nút bịt MK60 PN20 D40	Chiếc.	19,800
	2553501M	Nút bịt MK60 PN20 D50	Chiếc.	36,300
	2554001M	Nút bịt MK60 PN20 D63	Chiếc.	68,200
	2554501M	Nút bịt MK60 PN20 D75	Chiếc.	112,200
	2555001M	Nút bịt MK60 PN20 D90	Chiếc.	171,600
	2555501M	Nút bịt MK60 PN20 D110	Chiếc.	310,200
	2556501M	Nút bịt MK60 PN20 D160	Chiếc.	833,800
13. Mặt bích (Flange) MK19				
	2730450	Mặt bích MK19 D50	Chiếc.	992,200
	2730460	Mặt bích MK19 D63	Chiếc.	1,230,900
	2730470	Mặt bích MK19 D75	Chiếc.	1,548,800
	2730480	Mặt bích MK19 D90	Chiếc.	1,707,200
	2730490	Mặt bích MK19 D110	Chiếc.	1,944,800
14. Vòng đệm - Gioăng (Backing ring) MK18				
	2730141M	Vòng đệm MK18 D40	Chiếc.	27,500
	2730151M	Vòng đệm MK18 D50	Chiếc.	37,400
	2730161M	Vòng đệm MK18 D63	Chiếc.	51,700
	2730171M	Vòng đệm MK18 D75	Chiếc.	91,300
	2730181M	Vòng đệm MK18 D90	Chiếc.	135,300
	2730191M	Vòng đệm MK18 D110	Chiếc.	214,500
	2730301M	Vòng đệm MK18 D160	Chiếc.	325,600
15. Van tay vặn (Isolating valve with handle) MK50PF				
	2660531M	Van tay vặn MK50PF D20	Chiếc.	171,600
	2660731M	Van tay vặn MK50PF D25	Chiếc.	246,400
	2660831M	Van tay vặn MK50PF D32	Chiếc.	262,900
	2660931M	Van tay vặn MK50PF D40	Chiếc.	635,800
	2661031M	Van tay vặn MK50PF D50	Chiếc.	893,200
	2661131M	Van tay vặn MK50PF D63	Chiếc.	1,369,500
16. Rắc co ren ngoài - Union (Plastic - Metal) MK55				
	2742001M	Rắc co ren ngoài MK55 D20x1/2"	Chiếc.	377,300
	2742501M	Rắc co ren ngoài MK55 D25x3/4"	Chiếc.	476,300
	2743001M	Rắc co ren ngoài MK55 D32x1"	Chiếc.	675,400

	2743501M	Rắc co ren ngoài MK55 D40x5/4"	Chiếc.	1,191,300
	2744001M	Rắc co ren ngoài MK55 D50x6'4"	Chiếc.	1,508,100
	2744501M	Rắc co ren ngoài MK55 D63x2"	Chiếc.	2,262,700
	2745001M	Rắc co ren ngoài MK55 D75x2 1/2"	Chiếc.	4,563,900
	2745501M	Rắc co ren ngoài MK55 D90x3"	Chiếc.	5,595,700
17. Rắc co 2 đầu nhựa - Union (Plastic - Plastic) MK56				
	2752001M	Rắc co 2 đầu nhựa MK56 D20	Chiếc.	476,300
	2752501M	Rắc co 2 đầu nhựa MK56 D25	Chiếc.	635,800
	2753001M	Rắc co 2 đầu nhựa MK56 D32	Chiếc.	794,200
	2753501M	Rắc co 2 đầu nhựa MK56 D40	Chiếc.	1,191,300
	2754001M	Rắc co 2 đầu nhựa MK56 D50	Chiếc.	1,588,400
	2754501M	Rắc co 2 đầu nhựa MK56 D63	Chiếc.	2,262,700
	2755001M	Rắc co 2 đầu nhựa MK56 D75	Chiếc.	3,889,600
	2755501M	Rắc co 2 đầu nhựa MK56 D90	Chiếc.	4,445,100
18. Bộ nối co ren trong - Union (plastic-metal female) MK57				
	2762001M	Bộ nối co ren trong MK57 D20 X 1"	Chiếc.	262,900
	2762501M	Bộ nối co ren trong MK57 D25 X 5/4"	Chiếc.	305,800
	2763001M	Bộ nối co ren trong MK57 D32 X 6/4"	Chiếc.	349,800
	2763501M	Bộ nối co ren trong MK57 D40 X 2"	Chiếc.	572,000
	2764001M	Bộ nối co ren trong MK57 D50 X 2 1/4"	Chiếc.	715,000
	2764501M	Bộ nối co ren trong MK57 D63 X 2 3/4"	Chiếc.	1,032,900
	2765001M	Bộ nối co ren trong MK57 D75 X 3 1/4"	Chiếc.	1,707,200
	2765501M	Bộ nối co ren trong MK57 D90 X 3 3/4"	Chiếc.	1,984,400

Lưu ý: Hệ thống Ống nước uống PPR hiệu Kelen – Sản phẩm xanh – của Hãng KE KELIT Kunststoffwerk GmbH. Sản phẩm được nhập khẩu và phân phối độc quyền tại Việt Nam bởi Cty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera (Thuộc Tổng công ty Viglacera - CTCP)

Nơi gửi:

- Các công ty thành viên
- Các đại lý, và đối tác khách hàng
- Các bộ phận liên quan
- Lưu văn phòng

CTY CP ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VIGLACERA



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa